

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/03/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	13	0		19	0	CAP CUU BN KHOAN
2		RP2+CLO+TD1	7:25	22+0+0	0+0+0		20+0+0	0+0+0	Chuyen 2 CLO- TD1
3		MRM+RC5+CTK3	7:25	21+0+1	0+0+0		11+1+7	0+0+0	
4		RC4+RP1+RC3	7:25	10+0+8	0+0+0		11+0+11	0+0+0	Chuyen 1 RC4- Rp1
5		RP2+TD5+P4	9:25	16+0+6	0+0+0		10+5+7	0+0+0	
6		CTC1+GTCT1+TD3	9:25	11+10+0	0+0+0		7+0+8	0+0+0	
7		TD2	11:00	4			10		

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:30
FLIGHT:	TO: TD2	CREW: MTiến - ĐTrung	ETA: 10:40
VANG - 1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZELENSKY	TD2	07-08	2	11		80	KH-THAC	Russian
2	PHAN VIỆT TUNG	TD2	05	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
3	DƯƠNG VĂN THÔNG	TD2	01	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN MINH TÂM	TD2	06	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ANH TUẤN	TD2	03	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ HUNG TUẤN	TD2					70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN CUÔNG	TD2					70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ĐÀN	TD2	02	1	6	130	60	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN SƠN	TD2	04	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN DỤC HOÀN	TD2	14	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC BA	TD2					77	Y TE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

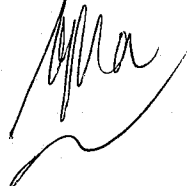
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	11	9	49	770	130	13		THAO 06 GHE DE CHO CANG
TOTAL		11	9	49	770	130	13		
WEIGHT KG				49	770	130			

GRAND TOAL: 949 KGS

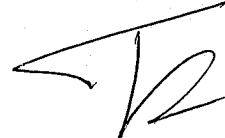
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/03/2021	TO: RP2 - CLO - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:31
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Nam - XTruong - Huy	ETA: 09:10
xanh-1			

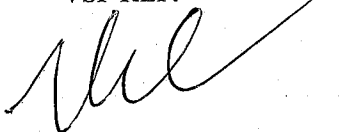
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BABKIN A.M.	RP2	70	1	5		100	KH-THAC	Russian
2	PHAM VAN BAN	RP2	600	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VAN LY	RP2	74-75	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN KHAC SANG	RP2	68	1	5	70	66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH DUY	RP2	99	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN DAT	RP2	79	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DUC THANG	RP2	71	1	10		72	YTE	Vietnamese
8	PHAM THE QUANG	RP2	78	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH TRUNG	RP2	86	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN LE	RP2	72	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC VINH	RP2	66-67	2	5		55	KH-THAC	Vietnamese
12	LUONG QUOC VUONG	RP2	76	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VIET HUNG	RP2	65	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VU QUYEN	RP2	77	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN QUOC KHANH	RP2					72	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH VAN QUAN	RP2	73	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VIET NHUONG	RP2	80	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOAN VAN THIEM	RP2	87-88	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐAO VAN TUAN	RP2	69	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ CHI CUONG	RP2	64	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ DUY QUYEN	RP2	89	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ ĐỨC LONG	RP2	63	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	24	142	1.523	70	20		CHUYEN 02 PAX TU CLO SANG TD1
2	CLO	0	0	0	0	0	0		
3	TD1	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	24	142	1.523	70	20		
WEIGHT KG				142	1.523	70			

GRAND TOAL: 1.735 KGS

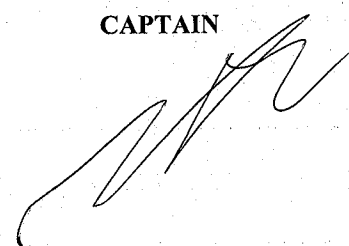
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: MRM - RC5 - CTK3	CREW: HỒI - MTHAO - THỤ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOTIKOV ALEXEY	MRM	12-13	2	10		96	AMNGR	Russian
2	SELIVANOV VLADISLAV	MRM	10-11	2	13		77	AMNGR	Russian
3	NAUMOV SERGEY	MRM	07	1	6		80	AMNGR	Russian
4	KOMAIGORODSKII ROMAN	MRM	08-09	2	12		83	AMNGR	Russian
5	DO HOAI THANH	MRM	24	1	8		70	DVL	Vietnamese
6	PHẠM VĂN QUY	MRM					72	D-HANH	Vietnamese
7	BAKHMATSKIY SERGEY V.	MRM	02	1	7		105	D-HANH	Russian
8	FOK SERGEY IG.	MRM	20	1	8		124	D-HANH	Russian
9	NGUYỄN AN BÌNH	MRM	05	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HIỀN	MRM	16	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
11	SHCHERBAKOV MAKSIM YU.	MRM	06	1	7		95	KHOAN	Russian
12	POLIAKOV IVAN V.	MRM	14-15	2	12		77	KHOAN	Russian
13	TARGANOV GENNADII V.	MRM	22	1	8		91	ANTOAN	Russian
14	OZEROV VITALIY N.	MRM	01	1	5		89	DVL	Russian
15	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	MRM	21	1	5		75	DVL	Vietnamese
16	EREMEEV E N	MRM	04	1	16		96	KHOAN	Russian
17	NGUYỄN HỮU TUYẾN	MRM	19	1	13		61	DVL	Vietnamese
18	LƯƠNG NGỌC HOÀNG	MRM	18	1	7		77	DVL	Vietnamese
19	BUI BẠCH DƯƠNG	MRM	17	1	11		72	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN HOÀNG SƠN	MRM	23	1	5		71	DVL	Vietnamese
21	PLAKHOTNUK LEONID P.	MRM	03	1	5		90	VTB	Russian
22	NGUYỄN DINH HAI	CTK3	16	1	5		65	SANBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	21	24	168	1.737	0	11		
2	RC5	0	0	0	0	20	1		
3	CTK3	1	1	5	65	0	7		
TOTAL		22	25	173	1.802	20	19		
WEIGHT KG				173	1.802	20			

GRAND TOTAL: 1.995 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	TO: RC4 - RP1 - RC3	CREW: Hạnh - Dương - DTùng	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐẮC BÌNH	RC4	86	1	5	17	100	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN BA THUẬN	RC4	91	1	14	45	71	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ HUY BÁC	RC4	85	1	15		69	CODIEN	Vietnamese
4	VÕ TIẾN PHỤNG	RC4	78,84	2	14		66	CODIEN	Vietnamese
5	LÊ ANH TUẤN	RC4	89-90	2	11		70	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN SỸ	RC4	83	1	11		71	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN TUẤN ANH	RC4	01-02	2	10		69	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAN NGỌC QUYẾT	RC4	82	1	5		78	NIPI	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN DUNG	RC4	46	1	5		67	NIPI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TẠNG	RC4	87-88	2	10		62	NHATHAU	Vietnamese
11	ĐỖ NGUYỄN HỒNG THANH	RC3	55	1	9	50	81	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ XUÂN LỢI	RC3	58-59	2	8		79	PV GAS	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC TÂN	RC3	56	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	62	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG HOANG ANH	RC3	39	1	14		81	KH-THAC	Vietnamese
16	VÕ TUẤN ANH	RC3	60-61	2	8		58	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN QUYỀN	RC3	35-36	2	8		58	GETRACO	Vietnamese
18	PHẠM VĂN THUY	RC3	57	1	8		81	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	10	14	100	723	62	11	1	CHUYỂN 01 PAX TỪ RC4 SANG RP1
2	RP1	0	0	0	0	0	0		
3	RC3	8	11	74	575	50	11		
TOTAL		18	25	174	1.298	112	22		
WEIGHT KG				174	1.298	112			

GRAND TOAL: 1.584 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	TO: RP2 - TD5 - P4	CREW: Hôi - MTHAO - THỤ	ETA: 11:15
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	97	1	9		97	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM QUANG LỢI	RP2	39-40	2	10		78	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN THANH	RP2	300	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2					68	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THANH TUẤN	RP2	92	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	35	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
7	TẠ VĂN VIỆT	RP2	90	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ VIỆT HUÂN	RP2	34	1	11		68	KH-THAC	Vietnamese
9	CHU KIM SƠN	RP2	41	1	5		63	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN ĐÌNH XUÂN HỒNG	RP2	91	1	8		82	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN MINH NGỌC	RP2	38	1	5		62	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ ANH MINH	RP2	98-99	2	18	13	75	T-TIN	Vietnamese
13	LÊ HỒNG QUÂN	RP2	93	1	4		64	GETRACO	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC CUÔNG	RP2	94	1	18		78	GETRACO	Vietnamese
15	PHẠM TRẦN THANH PHÚC	RP2	96	1	8		84	GETRACO	Vietnamese
16	NGUYỄN GIAC ỨNG	RP2	95	1	7		84	GETRACO	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH THẮNG	P4	43-44	2	18		65	NHATHAU	Vietnamese
18	ĐẠO AN TUẤN	P4	41	1	7	40	53	NHATHAU	Vietnamese
19	LÀ TUẤN LINH	P4	49	1	8		74	NHATHAU	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC HÙNG	P4	42	1	11		64	NHATHAU	Vietnamese
21	LÊ TÚ KHA	P4	47-48	2	17		85	NHATHAU	Vietnamese
22	NGUYỄN HOANG TRUNG	P4	45-46	2	11		68	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

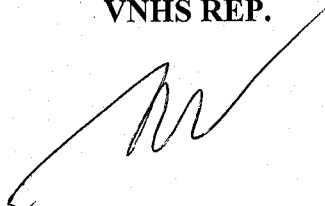
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	16	17	131	1.168	13	10		
2	TD5	0	0	0	0	0	5		
3	P4	6	9	72	409	40	7		
TOTAL		22	26	203	1.577	53	22		
WEIGHT KG				203	1.577	53			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	TO: CTC1 - GTC1 - TD3	CREW: Hạnh - Dương - DTùng	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC HAI	CTC1	32	1	6	40	69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG KHANH	CTC1	33	1	7		85	DK9	Vietnamese
3	BUI VĂN NINH	CTC1	26-27	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN CÔNG HOANG	CTC1	30	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1	31	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HUYỀN	CTC1	36	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ TUẤN ANH	CTC1	38	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HAI SANG	CTC1	25	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ HỮU HA	CTC1	39	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	CTC1	34-35	2	14		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NAM SƠN	CTC1	37	1	5		86	GETRACO	Vietnamese
12	NGÔ THANH NAM	GTC1	24-25	2	20	30	65	XAYLAP	Vietnamese
13	HÀN TRÍCH GIANG	GTC1	47-48	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN HỒNG YẾN	GTC1	31	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN XUÂN TRƯỞNG	GTC1	36-37	2	15		78	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ THANH LẠC	GTC1	28	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
17	TRỊNH ĐẶC HÙNG	GTC1	30	1	16		65	XAYLAP	Vietnamese
18	HUYNH KÝ MINH TUẤN	GTC1	34	1	10	15	58	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ VĂN ĐÔNG	GTC1	32-33	2	20		59	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN LỘC	GTC1	26-27	2	20		59	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN TUẤN HAI	GTC1	29	1	4		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	11	13	71	786	40	7		
2	GTC1	10	15	147	651	45	0		
3	TD3	0	0	0	0	2	8		
TOTAL		21	28	218	1.437	87	15		
WEIGHT KG				218	1.437	87			

GRAND TOAL: 1.742 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:00
FLIGHT: 07	TO: TD2	CREW: MTiến - CHIẾN	ETA: 14:00
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUY DU	TD2	15-16	2	8	60	94	KH-THAC	Vietnamese
2	LAI MINH HOANG	TD2					81	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN DINH TUAN	TD2	20-21	2	13		54	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO THAI HA	TD2	22	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	4	5	29	294	60	10		
TOTAL		4	5	29	294	60	10		
WEIGHT KG				29	294	60			

GRAND TOAL: 383 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN